UBND HUYỆN CẨM GIÀNG
TRƯỜNG MẦM NON CAO AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13 /QĐ-MNCA

Cao An, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường mầm non Cao An

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON CAO AN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi một số điều của thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo Dục đào tạo quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 3051/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của UBND huyện Cẩm Giàng về việc thành lập Trường mầm non Cao An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2024 của Trường mầm non Cao An *(theo các biểu đính kèm)*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. BGH nhà trường, bộ phận tài vụ và cán bộ viên chức, nhân viên thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Lưu :VT, KT

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Chữ ký, dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON CAO AN

Phạm Kiều Chi

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Cao An
Mã ĐVQHNS: 1016891
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20a
Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12				**350.000.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**				
	071			**350.000.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**				
				350.000.000	864.959.000	864.959.000	864.959.000	864.959.000	864.959.000				
13				**4.833.645.000**	**5.343.160.800**	**5.343.160.800**	**5.343.160.800**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**			**3.562.800**	**3.562.800**
	071			**4.833.645.000**	**5.343.160.800**	**5.343.160.800**	**5.343.160.800**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**			**3.562.800**	**3.562.800**
				4.833.645.000	5.343.160.800	5.343.160.800	5.343.160.800	5.339.598.000	5.339.598.000			3.562.800	3.562.800
15					**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**				
	071				**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**				
					73.920.000	73.920.000	73.920.000	73.920.000	73.920.000				
18					**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**				
	071				**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**				
					16.096.000	16.096.000	16.096.000	16.096.000	16.096.000				
Cộng:				**5.183.645.000**	**6.298.135.800**	**6.298.135.800**	**6.298.135.800**	**6.294.573.000**	**6.294.573.000**			**3.562.800**	**3.562.800**
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC
Ngày 10 tháng 12 năm 2025

Kế toán | **Kế toán trưởng**
(Ký tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Bùi Đình Đợi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
Ngày 10 tháng 12 năm 2025

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**
(Ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Vân Anh | Phạm Kiều Chi

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Cao An
Mã ĐVQHNS: 1016891
Mã cấp NS: 3

Mẫu số 20c
Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẰNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Năm 2024

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
KP không thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	**12**						**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**
Giáo dục mầm non		**071**					**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**	**864.959.000**
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			**6150**				**11.405.000**	**11.405.000**	**11.405.000**	**11.405.000**
Hỗ trợ đối tượng chính sách đóng học phí			6156				3.145.000	3.145.000	3.145.000	3.145.000
Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập			6157				3.300.000	3.300.000	3.300.000	3.300.000
Các khoản hỗ trợ khác			6199				4.960.000	4.960.000	4.960.000	4.960.000
Các khoản thanh toán khác cho cá nhân			**6400**				**503.554.000**	**503.554.000**	**503.554.000**	**503.554.000**
Chi khác			6449				503.554.000	503.554.000	503.554.000	503.554.000
Vật tư văn phòng			**6550**				**230.636.174**	**230.636.174**	**230.636.174**	**230.636.174**
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				230.636.174	230.636.174	230.636.174	230.636.174
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			**6900**				**119.363.826**	**119.363.826**	**119.363.826**	**119.363.826**
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949				119.363.826	119.363.826	119.363.826	119.363.826
KP thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm	**13**						**5.339.598.000**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**
Giáo dục mầm non		**071**					**5.339.598.000**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**	**5.339.598.000**
Tiền lương			**6000**				**2.548.914.600**	**2.548.914.600**	**2.548.914.600**	**2.548.914.600**
Lương theo ngạch, bậc			6001				2.548.914.600	2.548.914.600	2.548.914.600	2.548.914.600
Phụ cấp lương			**6100**				**1.292.841.300**	**1.292.841.300**	**1.292.841.300**	**1.292.841.300**
Phụ cấp chức vụ			6101				64.338.100	64.338.100	64.338.100	64.338.100
Phụ cấp ưu đãi nghề			6112				940.185.400	940.185.400	940.185.400	940.185.400
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc			6113				4.500.000	4.500.000	4.500.000	4.500.000

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Cao An
Mã ĐVQHNS: 1016891
Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề			6115				283.817.800	283.817.800	283.817.800	283.817.800
Tiền thưởng			**6200**				**22.500.000**	**22.500.000**	**22.500.000**	**22.500.000**
Thưởng thường xuyên			6201				22.500.000	22.500.000	22.500.000	22.500.000
Các khoản đóng góp			**6300**				**762.634.431**	**762.634.431**	**762.634.431**	**762.634.431**
Bảo hiểm xã hội			6301				569.311.331	569.311.331	569.311.331	569.311.331
Bảo hiểm y tế			6302				96.576.100	96.576.100	96.576.100	96.576.100
Kinh phí công đoàn			6303				64.558.600	64.558.600	64.558.600	64.558.600
Bảo hiểm thất nghiệp			6304				32.188.400	32.188.400	32.188.400	32.188.400
Thanh toán dịch vụ công cộng			**6500**				**6.366.570**	**6.366.570**	**6.366.570**	**6.366.570**
Tiền nước			6502				6.366.570	6.366.570	6.366.570	6.366.570
Vật tư văn phòng			**6550**				**93.815.399**	**93.815.399**	**93.815.399**	**93.815.399**
Văn phòng phẩm			6551				12.848.500	12.848.500	12.848.500	12.848.500
Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng			6552				80.966.899	80.966.899	80.966.899	80.966.899
Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			**6600**				**5.686.300**	**5.686.300**	**5.686.300**	**5.686.300**
Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng			6605				2.760.000	2.760.000	2.760.000	2.760.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện			6608				2.926.300	2.926.300	2.926.300	2.926.300
Hội nghị			**6650**				**21.344.900**	**21.344.900**	**21.344.900**	**21.344.900**
Các khoản thuê mướn khác			6657				6.550.000	6.550.000	6.550.000	6.550.000
Chi phí khác			6699				14.794.900	14.794.900	14.794.900	14.794.900
Công tác phí			**6700**				**8.100.000**	**8.100.000**	**8.100.000**	**8.100.000**
Khoán công tác phí			6704				8.100.000	8.100.000	8.100.000	8.100.000
Chi phí thuê mướn			**6750**				**138.131.600**	**138.131.600**	**138.131.600**	**138.131.600**
Thuê lao động trong nước			6757				134.631.600	134.631.600	134.631.600	134.631.600

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Cao An
Mã ĐVQHNS: 1016891
Mã cấp NS: 3

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5 = 1 + 3	6 = 2 + 4
Thuê đào tạo lại cán bộ			6758				3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng			**6900**				**259.986.000**	**259.986.000**	**259.986.000**	**259.986.000**
Các thiết bị công nghệ thông tin			6912				47.367.900	47.367.900	47.367.900	47.367.900
Đường điện, cấp thoát nước			6921				3.617.000	3.617.000	3.617.000	3.617.000
Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác			6949				209.001.100	209.001.100	209.001.100	209.001.100
Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn			**6950**				**25.983.400**	**25.983.400**	**25.983.400**	**25.983.400**
Tài sản và thiết bị khác			6999				25.983.400	25.983.400	25.983.400	25.983.400
Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			**7000**				**61.343.100**	**61.343.100**	**61.343.100**	**61.343.100**
Chi mua hàng hóa, vật tư			7001				48.136.500	48.136.500	48.136.500	48.136.500
Chi khác			7049				13.206.600	13.206.600	13.206.600	13.206.600
Chi khác			**7750**				**91.950.400**	**91.950.400**	**91.950.400**	**91.950.400**
Chi các khoản phí và lệ phí			7756				2.930.400	2.930.400	2.930.400	2.930.400
Chi các khoản khác			7799				89.020.000	89.020.000	89.020.000	89.020.000
Nguồn không tự chủ	**15**						**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**
Giáo dục mầm non		**071**					**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**
Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học			**6150**				**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**	**73.920.000**
Các khoản hỗ trợ khác			6199				73.920.000	73.920.000	73.920.000	73.920.000
KP thực hiện chế độ tiền thưởng	**18**						**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**
Giáo dục mầm non		**071**					**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**
Tiền thưởng			**6200**				**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**	**16.096.000**
Thưởng thường xuyên			6201				16.096.000	16.096.000	16.096.000	16.096.000
Cộng:							**6.294.573.000**	**6.294.573.000**	**6.294.573.000**	**6.294.573.000**
Phần ĐVSDNS ghi:										

Scanned with CamScanner

Mã chương: 622
Đơn vị: Trường Mầm non Cao An
Mã ĐVQHNS: 1016891
Mã cấp NS: 3

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần ĐVSDNS ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 10. tháng 1.... năm 025....

Kế toán | **Kế toán trưởng**

(Ký tên, đóng dấu)

KHO BẠC NHÀ NƯỚC HẢI DƯƠNG
KẾ TOÁN
KHO BẠC NHÀ NƯỚC CẨM GIÀNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bùi Đình Đợi

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 14 tháng 1 năm 025

Kế toán trưởng | **Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG TỈNH HẢI DƯƠNG
TRƯỜNG MẦM NON CAO AN

Nguyễn Thị Vân Anh | **Phạm Kiều Chi**

Scanned with CamScanner

Ngày ký: 05/11/2024 13:13:29
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Cẩm Giàng - Hải Dương
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 10 Năm 2024

Tên đơn vị:Trường mầm non Cao An — Mã ĐVQHNS: 1016891

Địa chỉ: Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương — Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3714.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3713.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3716.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	604.865.831			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	98.828.000			
Số dư cuối kỳ	506.037.831			
Tài khoản: 3717.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3717.2.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 5 tháng 11 năm 2024

Kế toán **Kế toán trưởng**

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 4 tháng 11 năm 2024

Kế toán trưởng **Chủ tài khoản**

Scanned with CamScanner

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hồng Dương

Bùi Đình Đợi

Nguyễn Thị Vân Anh

Trần Thị Thu Huyền

Scanned with CamScanner

Ngày ký: 05/12/2024 13:46:59
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Cẩm Giàng - Hải Dương
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 11 Năm 2024

Tên đơn vị:Trường mầm non Cao An — Mã ĐVQHNS: 1016891

Địa chỉ: Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương — Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3714.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3713.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3716.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	506.037.831			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	2.300.000			
Số dư cuối kỳ	503.737.831			
Tài khoản: 3717.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3717.2.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC		ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH	
Ngày 5 tháng 12 năm 2024		*Ngày 4 tháng 12 năm 2024*	
Kế toán	**Kế toán trưởng**	**Kế toán trưởng**	**Chủ tài khoản**

Scanned with CamScanner

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hồng Dương

Người ký: Bùi Đình Đợi
Ngày ký: 05/12/2024 13:46:59
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Cẩm Giàng - Hải Dương

Bùi Đình Đợi

Người ký: Nguyễn Thị Vân Anh
Ngày ký: 04/12/2024 08:32:25
Đơn vị: Trường mầm non Cao An

Nguyễn Thị Vân Anh

Người ký: Phạm Kiều Chi
Ngày ký: 04/12/2024 08:43:48
Đơn vị: Trường mầm non Cao An

Phạm Kiều Chi

Scanned with CamScanner

Ngày ký: 06/02/2025 13:37:26
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: KBNN Cẩm Giàng - Hải Dương
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 19

Ký hiệu: 06-ĐCSDTK/KBNN

BẢNG XÁC NHẬN SỐ DƯ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 12 Năm 2024

Tên đơn vị: Trường mầm non Cao An — Mã ĐVQHNS: 1016891

Địa chỉ: Xã Cao An, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương — Đơn vị: đồng

Diễn giải	Số liệu tại đơn vị	Số liệu tại KBNN	Chênh lệch	Nguyên nhân
Tài khoản: 3714.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3713.0.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	23.410.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	20.710.000			
Số dư cuối kỳ	2.700.000			
Tài khoản: 3716.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	422.760.400			
Phát sinh tăng trong kỳ	506.891.300			
Phát sinh giảm trong kỳ	580.124.269			
Số dư cuối kỳ	349.527.431			
Tài khoản: 3717.3.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	2.400.000			
Phát sinh giảm trong kỳ	2.400.000			
Số dư cuối kỳ	0			
Tài khoản: 3717.2.1016891.00000				
Số dư đầu kỳ	0			
Phát sinh tăng trong kỳ	0			
Phát sinh giảm trong kỳ	0			
Số dư cuối kỳ	0			

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Số liệu tại KBNN", "Nguyên nhân" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

XÁC NHẬN CỦA KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán **Kế toán trưởng**

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 6 tháng 2 năm 2025

Kế toán trưởng **Chủ tài khoản**

Scanned with CamScanner

(Ký tên, đóng dấu)

Lê Hồng Dương

Người ký: Bùi Đình Đợi
Ngày ký: 06/02/2025 13:37:26
Chức danh: KT. hiệu trưởng
Đơn vị: ICBNN Cẩm Giàng - Hải Dương

Bùi Đình Đợi

Người ký: Nguyễn Thị Vân Anh
Ngày ký: 06/02/2025 08:27:52
Đơn vị: Trường mầm non Cao An

Nguyễn Thị Vân Anh

Người ký: Phạm Kiều Chi
Ngày ký: 06/02/2025 09:40:53
Đơn vị: Trường mầm non Cao An

Phạm Kiều Chi

Scanned with CamScanner